TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/DS-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương Hảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Thìn
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 348/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2019/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 11 năm 2019giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1963
Địa chỉ: khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Đại diện theo ủy quyền: ông Thái T.
Bị đơn: Ông Bùi Minh H**,** sinh năm: 1963 chủ DNTN P
Địa chỉ: khu phố 4, Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Ông T, ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện,quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông* Thái T *trình bày:*

Ông P và ông H là bạn bè quen biết nhau nên cho nhau vay nhiều đợt tiền. Ngày 20/6/2016 ông P cho ông H vay tiền. Đến ngày 07/7/2016, hai bên làm hai giấy vay nợ đối với 02 khoản vay 1.200.000.0000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) thời hạn vay 01 năm, không thỏa thuận lãi suất và 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 01 năm. Ông H thế chấp chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển số 60A- 243.xx đứng tên DNTN P do ông H làm chủ để đảm bảo cho riêng khoản vay và trừ tiền lãi hàng tháng cho số tiền 1.200.000.000đ và

ông P sử dụng xe từ đó đến nay. Ông H trả lãi số tiền 500.000.000đ x 2%/tháng = 10.000.000đ x 18 tháng (từ 20/06/2016 đến 20/01/2018) = 180.000.000đ.

Kéo dài đến nay hai bên vẫn chưa quyết toán được số nợ trên. Nay ông P đồng ý trả lại chiếc xe thế chấp cho ông H, ông H phải trả cho ông P số tiền nợ gốc 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) không yêu cầu tiền lãi và số tiền nợ gốc 500.000.000đ cùng tiền lãi của khoản vay 500.000.000đ từ 20/01/ 2018 đến nay với mức 2%/tháng là 22 tháng x 10.000.000đ/tháng = 220.000.000đ.

Ông H cho rằng đưa chiếc xe để cấn trừ nợ là không đúng, tài sản này không phải của cá nhân ông H, và thời điểm vay xe thế chấp Ngân hàng nên cũng không thể làm hợp đồng mua bán được. Không có hợp đồng mua bán hay căn cứ nào thể hiện cấn trừ xe.

Ông P nộp 32.000.000đ cho Ngân hàng để lấy giấy tờ xe bản gốc; Và chi phí thẩm định giá là 12.600.000đ yêu cầu ông H trả lại phần này.

Tổng cộng số tiền ông H phải thanh toán là 1.964.600.000đ.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bị đơn ông Bùi Minh H trình bày:*

Tất cả lời trình bày của ông T về quan hệ vay mượn thế chấp giữa ông và ông P đều đúng.

Ông không đồng ý với cách tính toán nêu trên, ông đưa chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển số 60A- 243.xx đứng tên DNTN P do ông làm chủ cho ông P để cấn trừ khoản nợ 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) chứ không phải để đảm bảo và trừ lãi như ông P trình bày. Và các bên đồng ý mua bán xe để cấn trừ nhưng nay ông P đổi ý. Nay ông P yêu cầu phải trả lại 1,2 tỷ ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý thanh toán 500.000.000đ và tiền lãi theo quy định từ 20/01/2018 đến nay.

Ông P nộp 32.000.000đ cho Ngân hàng để lấy giấy tờ xe bản gốc ra làm thủ tục mua bán; Và chi phí thẩm định giá là 12.600.000đ, nên yêu cầu ông H trả lại phần này, ông H đồng ý.

* Ý kiện đại diện Viện kiểm sát: việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định cua pháp luật. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hai bên thống nhất về nợ gốc, không thống nhất việc dùng chiếc xe ô tô để cấn trừ nợ, và trình bày của bị đơn không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền nợ gốc và tính toán tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bị đơn ông Bùi Minh H cư trú tại phường T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai nên đơn khởi kiện của ông P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai.

[2] Thủ tục tố tụng: do quá trình giải quyết vụ án, các bên đã nộp đủ tiền cho Ngân hàng và giải chấp được chiếc xe 60A- 243.xx đứng tên DNTN P là tài sản thế chấp trong vụ án này, quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng không đến làm việc, nhưng đã ban hành văn bản gởi phòng CSGT tỉnh về việc giải chấp xe nên không cần thiết phải đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng.

[3] Về pháp luật áp dụng: những tranh chấp trong vụ án bao gồm những giao dịch dân sự thực hiện trước và sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về nội dung:

Hai bên thống nhất: Ông P và ông H là bạn bè quen biết nhau nên cho nhau vay nhiều đợt tiền. đến ngày 07/7/2016, hai bên làm hai giấy vay nợ đối với 02 khoản vay 1.200.000.0000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) thời hạn vay 01 năm, không thỏa thuận lãi suất và 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 01 năm, lãi suất 2%/tháng. Ông H thế chấp chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển số 60A- 243.xx đứng tên DNTN P do ông H làm chủ.

Tuy nhiên đã quá hạn thỏa thuận ông H không thanh toán nên ông P khởi kiện để trả lại chiếc xe thế chấp cho ông H và yêu cầu ông H phải trả cho ông P số tiền nợ gốc 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) không yêu cầu tiền lãi và số tiền nợ gốc 500.000.000đ và tiền lãi của khoản vay 500.000.000đ từ ngày 20/01/2018 đến nay với mức 2%/tháng là 21 tháng x 10.000.000đ/tháng = 210.000.000đ. Ông H không đồng ý, chỉ đồng ý thanh toán nợ gốc 500.000.000đ và lãi, còn khoản nợ 1.200.000.000đ đã cấn trừ xe xong.

Qua xem xét 02 hợp đồng vay tiền nhận thấy: đối với khoản nợ vay 1.200.000.000đ hai bên ghi nhận thời hạn vay 01 năm, thế chấp chiếc xe 60A-243.xx đứng tên DNTN P nhưng không ghi nhận là cấn trừ nợ nên trình bày của ông H là không có cơ sở. Tài sản này được hình thành từ vốn vay Ngân hàng, xe lại đứng tên DNTN, khoản vay này cũng không phải cho doanh nghiệp nên không thể dùng xe dứng tên doanh nghiệp để cấn trừ. Bên cạnh đó, giá trị chiếc xe thời điểm ông H mua được ghi nhận trong hợp đồng thế chấp tài sản là 1.120.000.000đ (một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng). Ông H cho rằng giá trị xe là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Bên cạnh đó, ngày 23/10/2015 ông H được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, ngày 07/7/2016 mới giao xe thế chấp cho ông P, nhưng tính giá trị xe là 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) để cấn trừ là không có cơ sở. Ông P cho rằng sử dụng xe để trừ lãi và nay sẽ trả lại xe, không yêu cầu ông H trả tiền lãi cũng là phù hợp.

Hai bên thừa nhận và thống nhất quan hệ vay mượn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần này, buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc chưa trả là 1.200.000.000đ(1). Đối với chiếc xe ô tô 60A- 243.33 đứng tên DNTN P do ông H làm chủ, trong hợp đồng vay tài sản ghi nhận việc thế chấp là có cơ sở, nên nay ông P yêu cầu được trả lại cho ông H là phù hợp nên ghi nhận.

Về tiền lãi của Hợp đồng vay 500.000.000đ thỏa thuận 2%/tháng là không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 thì áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để

giải quyết. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01 HĐTP Tòa án ND Tối cao tính như sau: Lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng là 9%/năm x 32 tháng (07/7/2016 đến nay) = 120.000.000đ (2). Ông P yêu cầu ông H phải trả tiền lãi của khoản vay 500.000.000đ từ 20/01/2018 đến nay với mức 2%/tháng là 22 tháng x 10.000.000đ/tháng = 220.000.000đ là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Ông P xác nhận ông H đã thanh toán tiền lãi 2%/tháng kể từ khi vay đến 20/01/2018 là 18 tháng x 500.000.000đ x 2%/tháng = 180.000.000đ (3).

Như vậy: số tiền ông P nhận chênh lệch với số tiền lãi bị đơn phải trả [(3) - (2)] là 60.000.000đ, trừ vào tiền nợ gốc 500.000.000đ, nên còn lại 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) (4).

Ông H phải thanh toán cho ông P số tiền nợ gốc (1) + (4) tổng cộng: 1.640.000.000đ (một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

Ông P nộp 32.000.000đ cho Ngân hàng để lấy giấy tờ xe bản gốc ra làm thủ tục mua bán; Và chi phí thẩm định giá là 12.600.000đ, nên yêu cầu ông H trả lại phần này, ông H đồng ý nên ghi nhận.

Ông P phải hoàn trả lại ông H chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển số 60A-243.xx đứng tên DNTN P.

[5] Về án phí DSST: ông H phải nộp số tiền 61.200.000đ.

Ông P phải nộp án phí phần không được chấp nhận là 11.000.000đ. Hoàn trả ông P số tiền tạm ứng án phí còn lại.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 203, Điều 220, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân dân sự.

- Căn cứ Điều 471, 477, Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh P về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" với ông Bùi Minh H.

Buộc ông Bùi Minh H phải thanh toán cho ông Nguyễn Minh P số tiền nợ gốc tổng cộng: 1.640.000.000đ (một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng);

Ông Bùi Minh H phải thanh toán cho ông Nguyễn Minh P tiền tất toán ngân hàng 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), chi phí tố tụng 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Minh P phải trả lại chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển đăng ký 60A- 243.xx đứng tên DNTN P cho ông Bùi Minh H.

Về án phí DSST: ông H phải nộp số tiền 61.200.000đ (sáu mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng).

Ông P phải nộp 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Hoàn trả ông P số tiền 22.450.000đ (hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0004860 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP B.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (2);
- VKS (2);
- THA Dân sự (1);
- Lưu (4);
- Đương sự (2).

Nguyễn Thị Phương Hảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên toà**